



chěng néng

逞能

verb · to show off one's ability

Example Sentence

bié chěng néng le zhè jiàn shì nǐ zuò bú dào

别逞能了，这件事你做不到。

Stop showing off, you can't do this.

Trace each character, then write the word on your own.

逞	逞	逞	逞	逞	逞	逞	逞	逞	逞	逞
逞	逞									

能	能	能	能	能	能	能	能	能	能	能
能	能									
